BỘ TÀI CHÍNH **HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 590/QĐ-HVTC ngày 20/05/2019 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- TÊN CHƯƠNG TRÌNH:	**Đại học chính quy** (chương trình chuẩn)
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	**Đại học**
- CẤP BẰNG:	**Cử nhân**
- LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	**Chính quy**
- NGÀNH ĐÀO TẠO:	**QUẢN TRỊ KINH DOANH** (Tên Tiếng Anh: **BUSINESS ADMINISTRATION**)
- MÃ NGÀNH:	**7340101**
- CHUYÊN NGÀNH	**Quản trị doanh nghiệp** (Tên Tiếng Anh: **Corporate Governance**)
- MÃ CHUYÊN NGÀNH	**31**
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH:	**Đại học chính quy** (chương trình chuẩn)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp nắm vững những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; có kỹ năng thực hiện công việc quản trị như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị marketing, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị tài chính, tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất- kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; có khả năng nghiên cứu, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh. Nắm được kiến thức bổ trợ về pháp luật kinh doanh, thương mại. Có tư duy sáng tạo và logic, khả năng nghiên cứu độc lập và thích ứng nhanh với môi trường làm việc. Có kỹ năng thực hành thành thạo về lĩnh vực được đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể *(Kiến thức; kỹ năng; thái độ, chuyên cần; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; trình độ ngoại ngữ và tin học):*

2.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức toàn diện về ngành quản trị kinh doanh và vận dụng được vào công việc chuyên môn.

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, như các kiến thức về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị marketing.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp; các kiến thức bổ trợ về kinh tế, pháp luật để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Có kiến thức và trình độ tổ chức thông tin quản trị để tư vấn, tham mưu cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

- Có kiến thức và trình độ tự cập nhật những kiến thức mới và những thay đổi của môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo. Cụ thể: Khả năng dự đoán, phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp; kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh; kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị con người và vận hành doanh nghiệp; kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, chất lượng, marketing.

2.2.3. Về thái độ, chuyên cần

- Chủ động, tích cực và có năng lực cải tiến trong công việc được giao.

- Sẵn sàng chấp hành sự phân công, điều động trong công tác của đơn vị.

- Luôn quan tâm đến sự phát triển của đơn vị.

- Tự giác, tích cực học tập học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp.

- Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân thông qua công việc chuyên môn được giao.

2.2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có cơ hội và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp và các lĩnh vực khác thuộc ngành Quản trị kinh doanh trong các cơ quan Nhà nước; các công ty, tổ chức, tập đoàn trong nước và quốc tế; cụ thể:

+ Sinh viên đảm nhận các công việc chuyên môn như: Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị chiến lược, Quản trị sản xuất và tác nghiệp, Quản trị bán hàng, quản trị chất lượng,....

+ Có khả năng khởi sự doanh nghiệp của riêng mình. .

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực Quản trị kinh doanh nói chung và lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu, ...

2.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn trong thực tiễn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp trong nước và quốc tế.

2.2.6. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

- Trình độ ngoại ngữ: Đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014.

- Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương, cụ thể:

- Đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của BộGD&ĐT.

- Đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

- Đối tượng xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT hàng năm.

4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ:

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**	**48**	
1	Kiến thức chung	**36**	
	Phần bắt buộc	*30*	
	Phần tự chọn	*6*	
2	Kiến thức GDQP&GDTC (*)	**12**	
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**93**	
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
2	Kiến thức cơ sở ngành	25	
3	Kiến thức ngành	18	
4	Kiến thức chuyên ngành	15	
	Phần bắt buộc	*13*	
	Phần tự chọn	*2*	
5	Kiến thức bổ trợ	19	
	Phần bắt buộc	*11*	
	Phần tự chọn	*8*	
6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng tín chỉ (I+II: gồm cả GDQP&GDTC)	**141**	
	Tổng tín chỉ (I+II: không bao gồm GDQP&GDTC)	**129**	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 4 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã học phần/môn học trong các chương trình đào tạo: Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP/MH	Tên học phần/môn học	Số TC	Số tiết	Ng.ngữ giảng dạy	Ghi chú
A		**PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**48**			
A1		**Kiến thức chung**	**36**			
		Phần bắt buộc	*30*			
1.	MPT0125	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	2	30		
2.	MPT0126	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	3	45		
3.	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45		
4.	VPP0027	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45		
5.	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30		
6.	BFL0117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45		
7.	BFL0118	Tiếng Anh cơ bản 2	4	60		
8.	GCO0233	Tin học đại cương	3	45		
9.	PAS0107	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		
10.	AMA0237	Toán cao cấp 1	2	30		
11.	AMA0238	Toán cao cấp 2	2	30		
		Phần tự chọn	*6*			
12.	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	30		
13.	SOC0248	Xã hội học	2	30		
14.	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30		
15.	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	30		
16.	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30		
A2		**Kiến thức GDQP&AN, GDTC**	**12**			
		Giáo dục quốc phòng	**8**	165		
17.	MED0340	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		HP1
18.	MED0341	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30		HP2
19.	MED0342	Quân sự chung	3	60		HP3
		Giáo dục thể chất	**4**	120		
		Phần bắt buộc	*3*			
20.	AED0343	Lý thuyết chung về GDTC và TH chạy cự ly ngắn	1	30		
21.	AED0344	Lý thuyết chung về GDTC và TH môn bóng rổ	1	30		
22.	AED0345	Lý thuyết chung về GDTC và TH môn bóng chuyền	1	30		

TT	Mã HP/MH	Tên học phần/môn học	Số TC	Số tiết	Ng.ngữ giảng dạy	Ghi chú
		Phần tự chọn	*1*			
23.	AED0346	Lý thuyết chung về GDTC và TH môn thể dục dụng cụ	1	30		
24.	AED0347	Lý thuyết chung về GDTC và TH môn bơi lội	1	30		
B		**PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**93**			
B1		**Kiến thức cơ sở khối ngành**	**6**			
25.	MIE0100	Kinh tế vi mô	3	45		
26.	MAE0101	Kinh tế vĩ mô	3	45		
B2		**Kiến thức cơ sở ngành**	**25**			
27.	SFL0115	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45		
28.	SFL0116	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45		
29.	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60		
30.	ELA0142	Pháp luật kinh tế	3	45		
31.	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45		
32.	FMA0165	Quản trị học	4	60		
33.	ACO0234	Tin học ứng dụng	2	30		
34.	QEC0096	Kinh tế lượng	3	45		
B3		**Kiến thức ngành**	**17**			
35.	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60		
36.	GMA0111	Marketing căn bản	2	30		
37.	SMA0161	Quản trị chiến lược	2	30		
38.	BMA0181	Quản trị thương hiệu	2	30		
39.	PMA0147	Quản lý dự án	2	30		
40.	RMA0171	Quản trị nguồn nhân lực	2	30		
41.	CCU0246	Văn hoá doanh nghiệp	2	30		
42.	PRE0144	Quan hệ công chúng	2	30		
B4		**Kiến thức chuyên ngành**	**14**			
		Phần bắt buộc	*13*			
43.	QMA0160	Quản trị chất lượng	3	45		
44.	CFI0186	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45		
45.	PMA0174	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 1	3	45		
46.	PMA0175	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 2	2	30		
47.	PMA0176	Quản trị sản xuất và tác nghiệp 3	2	30		
		Phần tự chọn	*2*			
48.	FSM0112	Marketing dịch vụ tài chính	2	30		
49.	SMA0159	Quản trị bán hàng	2	30		

TT	Mã HP/MH	Tên học phần/môn học	Số TC	Số tiết	Ng.ngữ giảng dạy	Ghi chú
B5		**Kiến thức bổ trợ**	**19**			
		Phần bắt buộc	**11**			
50.	FAC0048	Kế toán tài chính 1	4	60		
51.	MAC0043	Kế toán quản trị 1	2	30		
52.	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45		
53.	IEC0099	Kinh tế quốc tế 1	2	30		
		Phần tự chọn	*8*			
54.	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30		
55.	IEC0033	Internet & Thương mại điện tử	2	30		
56.	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30		
57.	CFI0187	Tài chính doanh nghiệp 2	2	30		
58.	AVA0025	Định giá tài sản 1	2	30		
59.	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30		
60.	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	30		
61.	PBA0377	Tâm lý học QTKD	2	30		
62.	TAX0215	Thuế	2	30		
63.	EPM0177	Quản trị SX và tác nghiệp	2	30	Tiếng Anh	
B6		**Thực tập tốt nghiệp**	**10**	**150**		
64.	SPR0211	Thực tập cuối khoá 31	4			
65.	THE0069	Khóa luận tốt nghiệp 31	6			
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	**141**			
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	**129**			

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI KIẾN THỨC TOÀN KHÓA (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**								
1	**Kiến thức chung**								
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn		x	x	x	x			
2	**Kiến thức GDQP&AN, GDTC**								

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
II	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**								
1	**Kiến thức cơ sở khối ngành**		x	x					
2	**Kiến thức cơ sở ngành**			x	x	x	x	x	
3	**Kiến thức ngành**				x	x	x	x	
4	**Kiến thức chuyên ngành**				x	x	x		
	Phần bắt buộc				*x*	*x*	*x*		
	Phần tự chọn					*x*	*x*		
5	**Kiến thức bổ trợ**				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				*x*	*x*	*x*	*x*	
	Phần tự chọn				*x*	*x*	*x*	*x*	
6	**Kiến thức thực tập tốt nghiệp**							**x**	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học phần.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được thiết kế hoàn thành khóa học trong 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế; cuối khóa sinh viên làm luận văn tốt nghiệp).
- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên.
- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

7.3. Cách thức đánh giá:

Đánh giá theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Học viện Tài chính.

7.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi chuyên ngành đào tạo được xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung chương trình đào tạo chi tiết phù

hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh và chuyên ngành..

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học của chuyên ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Cơ